TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83 /2026/DSST
Ngày: 26-05-2025
"Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bảo Giang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bạch Văn Em
2. Bà Nguyễn Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân khu vực 6 Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 5, 19 và ngày 26 tháng 5 năm 2026. Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc *Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2026/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2026.

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp
2. Bị đơn: Dương Văn N, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp
3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Phạm Thị Sen H, sinh năm 1990
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Nguyễn Thanh Toàn trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T được Ủy ban nhân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/1/2020 thuộc thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở tại nông và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp). Nguồn gốc đất này do bà ngoại Nguyễn Thị U để lại cho ông T.

Năm 2024 ông N và bà H tự ý cất nhà trên phần diện tích của ông T, diện tích đang sử dụng ngang 4 mét, dài 8 mét, ông T có yêu cầu ông N và bà H di dời nhà trả đất. Ông N và bà H không đồng ý.

Nay ông T yêu cầu ông N và bà H di dời toàn bộ tài sản, nhà ở và kiến trúc có trên đất để trả lại đất cho diện tích 32m^2, thuộc thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp.Trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, B, E, D, C, A về 1. Ông T đồng ý hỗ trợ chi phí di dời là 10.000.000 đồng.

Diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc kèm theo của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII Đồng Tháp ngày 10/3/2026.

Theo ông Dương Văn N và bà Phạm Thị Sen H trình bày:

Đối với yêu cầu ông T thì ông N và bà H không đồng ý theo yêu cầu ông Nguyễn Thanh T lý do:

Nguồn gốc đất vợ chồng ông N và bà H đang ở là của ông bà cho, cụ thể là ông bà ngoại ông N và bà H, ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị U cho lại cha, mẹ ông N và bà H là ông Dương Văn H và bà Lê Thị Th diện tích hơn 180m² (Ngang 6m, dài hơn 30m - chưa đo đạc thực tế) vào năm 1999, có chú C là Trưởng ấp thời đó làm chứng.

Năm 2005, thì UBND xã T, có cho cha mẹ ông N và bà H một nền nhà về khu dân cư T, diện tích trên bỏ trống, cả gia đình bà ngoại, gia đình ông N và bà H, gia đình dì Lê Thị B (là mẹ ông Nguyễn Thanh T) ở phần đất ruộng phía sau cũng dời về khu dân cư để ở.

Đến năm 2017, bà ngoại Nguyễn Thị U kêu vợ chồng ông N và bà H về đó sửa nhà lại để bà ngoại về ở chung, sau khi sửa thì làm nhà cây, vách cây, mái tole, nền bê tông cao 0,5m.

Năm 2019, dì Lê Thị B nhân lúc ông N và bà H không có ở nhà đến dẫn ngoại đi, về Bình Dương sinh sống. Sau khi bà ngoại bị dẫn đi, thì ông Nguyễn Thanh Tg (anh của ông T) về bơm cát, kêu vợ chồng ông N và bà H dời đi, vợ chồng ông N và bà H mới cất một nhà sàn ở bên nền nhà của ông ngoại cho cha mẹ ông N và bà H hồi đó tạm bằng cột sắt cũ, vách thiết, mái thiết, bằng ván gỗ không ai cản trở.

Cuối năm 2022, nhà dột nát nên ông N và bà H dựng nhà sàn lắp ghép, trụ bê tong, vách và mái bằng tole để ở cũng không có ai ngăn cản, bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N thừa nhận năm 2024 có cất nhà trên phần diện tích đất ông T đang tranh chấp và chính quyền địa phương có đến ngưng yêu cầu không cất, lý do bà Phạm Thị Sen H và ông N cất là do bà ngoại cho phần diện tích đất trên, việc cho đất thì không có giấy tờ gì chứng minh.

Nay bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N yêu cầu quản lý, sử dụng và công nhận diện tích đất 180 m^2 ngang 6m dài 30 m, thuộc một phần thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C nay phường M, tỉnh Đồng Tháp.Trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, F, 6, 7, D, C, A về 1.

Diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc kèm theo của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII Đồng Tháp ngày 10/3/2026.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác

định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định; thời hạn gửi hồ sơ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nguyên tắc xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền bình đẳng của những người tham gia tố tụng trước phiên tòa, tính khách quan của Hội đồng xét xử; thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu ông Nguyễn Thanh T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Dương Văn N và bà Phạm Thị Sen H.

Buộc ông Dương Văn N và bà Phạm Thị Sen H có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 75,8m^2 có giá 110.668.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn N và bà Phạm Thị Sen H. Ông N và bà Sen H được tiếp tục quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai thủ tục cấp GCNQSD đất diện tích 75,8m^2 thuộc một phần thửa 438, tờ bản đồ số 8.

Án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 6 Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy địa chỉ của bị đơn tại phường M tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông T yêu cầu ông N và bà Sen H di dời toàn bộ tài sản, nhà ở và kiến trúc có trên đất để trả lại đất cho diện tích 32m^2, thuộc thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở tại nông thôn và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, B, E, D, C, A về 1

Diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc kèm theo của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII Đồng Tháp ngày 10/3/2026.

Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N không đồng ý theo yêu cầu ông T. Bà Sen H và ông N yêu cầu được sử dụng diện tích đất 180 m^2 ngang 6m dài 30 m, thuộc một phần thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở tại nông thôn và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C nay phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc kèm theo của chi Nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII Đồng Tháp ngày 10/3/2026.

Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất ông T đang tranh chấp có nguồn gốc do bà ngoại Nguyễn Thị U để lại cho ông T theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng vào ngày 9/9/2020. Ông T được Ủy ban nhân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/1/2020 thuộc thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C nay phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Từ khi ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì năm 2024, bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có hành vi lấn chiếm đất ông T để cất nhà ở, ông T có báo chính quyền địa phương, nhưng bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N vẫn tiến hành cất nhà ở cho đến nay.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N thừa nhận năm 2024 có cất nhà trên phần diện tích đất ông T đang tranh chấp và chính quyền địa phương có đến yêu cầu ngưng không cất, lý do bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N cất là do bà ngoại cho phần diện tích đất trên, việc cho thì không có giấy tờ gì chứng minh. Cho nên ông Dương Văn N xây dựng nhà trên đất của ông T là không phù hợp quy định pháp luật.

Ông T cho rằng bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có phần diện tích đất để ở nhưng ông T không có giấy tờ gì chứng minh, ngoài ra bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N không còn phần diện tích đất nào để ở cho nên bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông T để tiếp tục sử dụng diện tích xây dựng nhà.

Với những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu ông T. Buộc bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N trả lại giá trị đất cho ông T, bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N được tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, F, E, D, C, A về 1 diện tích 75.8 m^2 loại đất ở tại nông thôn.

Theo công văn số 882/UBND-KT ngày 12/5/2026 Đối với đất ở tại nông thôn: thửa đất có nhà ở diện tích tối thiểu là 60m^2 trở lên thì đủ điều kiện tách thửa.

Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N được tiếp tục quản lý, sử dụng sử dụng phần diện tích đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, F, E, D, C, A về 1 diện tích 75.8 m^2 loại đất ở tại nông thôn.

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá ngày 14/4/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá VALUE: giá trị quyền sử dụng đất thửa 438, tờ bản đồ số 8, đất phường M: Đất ở 300m^2 có giá 1.460.000 đồng/m^2 = 438.000.000đ; CLN diện tích 284m^2 có giá 740.000 đồng/m^2 = 210.000.000đ.

Diện tích tranh chấp 75,8m^2 (do đất đã xây dựng nhà nên xác định là đất ở) có giá 1.460.000đ x 75,8m^2 = 110.668.000 đồng.

Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có trách nhiệm trả giá trị đất cho ông T là với số tiền là 110.668.000 đồng (diện tích 75.8m^2 đất ở nông thôn x 1.460.000 đồng/m^2).

Xét việc yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu bà Phạm Thị Sen H và ông N. bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có trách nhiệm liên đới trả giá trị đất cho ông T là là 110.668.000 đồng. (diện tích 75.8m^2 đất ở nông thôn x 1.460.000 đồng/m^2).

Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N được tiếp tục quản lý, sử dụng sử dụng đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, F, E, D, C, A về 1 diện tích 75.8 m^2 loại đất ở tại nông thôn theo sơ đồ đo dạc ngày 07/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII, tỉnh Đồng Tháp.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải chịu án phí sơ thẩm là 5.533.400 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Sen H đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000361 ngày 08/01/2026 và ông Dương Văn N đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002317 ngày 16.4.2025. Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải đóng thêm là 4.933.400 đồng.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng Nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí cho ông T là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009216 ngày 14/10/2024, ông T đã đóng xong.

[5]. Chi phí xem xét thẩm định bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 4.640.000 đồng. Bà Phạm Thị Sen H đã tạm ứng và đã chi xong. Chi phí định giá là 8.832.000 đồng bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải chịu, ông Nguyễn Văn T đã tạm ứng và đã chi xong bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 8.832.000 đồng.

Chi phí thẩm định ông Nguyễn Văn T phải là 2.708.174 đồng, ông T đã tạm ứng và đã chi xong.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại 3.440.000 đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng đo đạc số 102/HĐ-ĐD ngày 04/3/2026.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Luật Đất đai 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Không chấp nhận yêu cầu ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ông Dương Văn N và bà Phạm Thị Sen H di dời toàn bộ tài sản, nhà ở và kiến trúc có trên đất để trả lại đất cho diện tích 32m^2, thuộc thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp). Trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, B, E, D, C, A về 1.

Chấp nhận một phần yêu cầu ông Nguyễn Thanh T.

Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có trách nhiệm liên đới trả giá trị đất cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tổng cộng là 110.668.000 đồng.

[2].Chấp nhận một phần yêu cầu yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N được tiếp tục quản lý, sử dụng sử dụng đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, F, E, D, C, A về 1 diện tích 75.8 m^2 loại đất ở tại nông thôn.

Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N được đăng ký quyền sử dụng đất trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, F, E, D, C, A về 1 diện tích 75.8 m^2 loại đất ở tại nông thôn, tại thửa 438, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại xã T huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp) theo quy định pháp luật.

[3]. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi một phần diện tích trong phạm vi các mốc 1, 2, 9, 10, F, E, D, C, A về 1 diện tích 75.8 m^2 loại đất ở tại nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho T thuộc thửa 438, tờ bản đồ số 8, diện tích 661m^2 loại đất ở và đất lâu năm, đất tọa lạc tại xã T huyện C (nay phường M, tỉnh Đồng Tháp) ngày 02/1/2020.

Toàn bộ diện tích đất được thể hiện qua sơ đồ đo đạc ngày 10/3/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII, tỉnh Đồng Tháp.

[4]. Buộc bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có trách nhiệm liên đới trả giá trị đất cho ông Nguyễn Thanh T số tiền tổng cộng là 110.668.000 đồng.

[5] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải chịu án phí sơ thẩm là 5.533.400 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Sen H đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000361 ngày 08/01/2026 và ông Dương Văn N đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002317 ngày 16/4/2025. Bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải đóng thêm là 4.933.400 đồng.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Thanh T là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009216 ngày 14/10/2024, ông Nguyễn Văn T đã đóng xong.

[7]. Chi phí xem xét thẩm định bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 4.640.000 đồng. Bà Phạm Thị Sen H đã tạm ứng và đã chi xong. Chi phí định giá là 8.832.000 đồng bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N phải chịu, ông Nguyễn Văn T đã tạm ứng và đã chi xong

bà Phạm Thị Sen H và ông Dương Văn N có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 8.832.000 đồng.

Chi phí thẩm định ông Nguyễn Văn T phải là 2.708.174 đồng, ông T đã tạm ứng và đã chi xong.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại 3.440.000 đồng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XVIII, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng đo đạc số 102/HĐ-ĐD ngày 04/3/2026.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV6-ĐT;
- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Bảo Giang